

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 8 năm 2018  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK, TỈNH KH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Kim Vinh**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hùng Cường**  
Bà **Ngô Thị Lững**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện DK - KH.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Hữu Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXX-ST ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mỹ TR** - sinh năm 1984  
NĐKNKTT: Tổ dân phố Phan Bội Châu 1, thị trấn DK, huyện DK.  
Địa chỉ liên lạc: thôn Đảnh Thạnh, xã Diên Lộc, huyện DK, tỉnh KH.  
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung T** - sinh năm 1979  
Địa chỉ: Tổ dân phố Phan Bội Châu 1, thị trấn DK, huyện DK.  
Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2018, bản tự khai ngày 28/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ TR trình bày: chị và anh Nguyễn Trung T tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn DK theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 210/2004 ngày 29/10/2004. Giai đoạn đầu chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thích hưởng thụ nhưng lại lười biếng lao động, say xỉn. Mỗi lần vợ chồng nói chuyện với nhau, anh T luôn dùng lời lẽ xúc phạm và có hành động bạo lực đánh đập đối với chị, không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị đã nhiều lần khuyên và tạo cơ hội nhưng anh T vẫn không có sự thay đổi bản Th của mình. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn H - sinh ngày 04/7/2006 và Nguyễn Lê Kim N - sinh ngày 15/11/2007. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định giữa chị và anh T không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 17/7/2018, anh Nguyễn Trung T trình bày: về thời gian chung sống và kết hôn như chị TR đã nêu là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xích mích và anh có dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị TR, dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên chị TR đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2018. Đến nay, anh T xác định anh vẫn còn tình cảm yêu thương, quan tâm đến chị TR nên anh không chấp nhận ly hôn với chị TR. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh giao con chung cho chị TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: anh xác định anh và chị TR không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị TR vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T; yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có. Bị đơn anh Nguyễn Trung T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ TR xin ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tuấn Hùng, Nguyễn Lê Kim Ngân cho chị TR trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: chị TR không có yêu cầu gì nên không xem xét. Về án phí: chị TR phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Trung T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Mỹ TR và anh Nguyễn Trung T tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn DK, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 210/2004 ngày 29/10/2004 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị TR và anh T thừa nhận thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T lười biếng lao động, say xỉn, luôn đánh đập, dùng những lời lẽ xúc phạm đến chị, cuộc sống vợ chồng ngày càng áp lực, không khí gia đình luôn căng thẳng. Chị TR xác định chị không còn tình cảm yêu thương đối với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cho rằng còn tình cảm yêu thương đối với chị TR và thương các con nên anh không đồng ý ly hôn. Chị TR và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Do đó, chị TR không còn tình cảm với anh T. Anh Nguyễn Trung

T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa, nhưng anh T không đến. Điều này chứng tỏ, anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa chị TR và anh T đã có mâu thuẫn dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ TR được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

[3]. Về con chung: Chị TR và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn H - sinh ngày 04/7/2006 và Nguyễn Lê Kim N - sinh ngày 15/11/2007, chị TR có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu H, N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đồng ý. Cháu H, N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là yêu cầu chính đáng của chị TR phù hợp với pháp luật nên cần để chị TR tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị TR và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị TR và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: chị TR phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ TR được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tuấn H - sinh ngày 04/7/2006 và Nguyễn Lê Kim N - sinh ngày 15/11/2007, cho chị Lê Thị Mỹ TR trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị TR, anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí: chị Lê Thị Mỹ TR nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị TR đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018750 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - KH; chị TR đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo Th từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng  
đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân thị trấn DK (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Kim Vinh**